

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Mỹ Thuần

Bà Phạm Thị Lâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1986.

ĐKHKT: phường H, quận C, Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: phường N, quận C, Hà Nội.

-Bị đơn: **Anh Nguyễn Công H**, sinh năm 1988.

ĐKHKT và nơi ở hiện tại: phường Y, quận C, Hà Nội.

(Có mặt chị T, vắng mặt anh H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 1 năm 2019 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2019 và các buổi làm việc tại tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh T trình bày:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Công H kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận C, thành phố Hà Nội ngày 17/03/2010. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại

phường Y, quận C, Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh H không quan tâm, chia sẻ công việc trong gia đình với vợ con, hai vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, đỉnh điểm là tháng 10 năm 2018 vợ chồng xảy ra xô xát, chị T đã chuyển đi nơi khác thuê nhà ở riêng và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn và không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- **Về con chung:** Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Công Linh Đ (nữ) sinh ngày 27/12/2010; Nguyễn Công Linh C (nữ) sinh ngày 13/12/2013; Ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Chị T và anh H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Chị T xác nhận chị và anh H không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

* Tại bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2019 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Công Hoàng trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh H hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị T về điều kiện hoàn cảnh kết hôn và nơi ở sau khi kết hôn, còn về mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là chưa chính xác. Trong thời gian chung sống vợ chồng chỉ xảy ra những mâu thuẫn về những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống gia đình chưa đến mức trầm trọng. Cuối tháng 9/2018 vợ chồng anh chuyển ra thuê nhà ở riêng tại phường N, quận C, Hà Nội. Tháng 10/2018 do vợ chồng xảy ra cãi nhau nên anh Hoàng đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị T xin ly hôn, anh H không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về con chung:** Anh H và chị T có 02 con chung là Nguyễn Công Linh Đ (nữ) sinh ngày 27/12/2010; Nguyễn Công Linh C (nữ) sinh ngày 13/12/2013; Trong trường hợp ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- **Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Anh H và chị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Anh H xác nhận anh và chị T không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh H nhất trí để chị T nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

Ngoài những yêu cầu trên chị T và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày và đề nghị Tòa án chấp nhận những yêu cầu của chị. Anh H có đơn xin xử vắng mặt, anh H vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Công H; Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị T và anh H giao con chung Nguyễn Công Linh C (nữ) sinh ngày 13/12/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Công Linh Đ (nữ) sinh ngày 27/12/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ: Hai bên xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Công H. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn là anh Nguyễn Công H hiện nay đang cư trú tại phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình; bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm*: Chị Trần Thị Thanh T kết hôn với anh Nguyễn Công H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận C, thành phố Hà Nội ngày 17/3/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị T và anh H chỉ hòa thuận được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong cách sống và những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết mà cứ tích tụ lại dẫn tới việc anh chị hay xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, đỉnh điểm là tháng 10/2018 sau khi xảy ra cãi nhau chị T và anh H đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2018 đến nay. Tuy nhiên, chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì cho rằng việc mâu thuẫn của anh chị chỉ do nguyên nhân nhỏ nhặt trong cuộc sống, chưa đến mức phải ly hôn và anh vẫn còn tình cảm với chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Lý do anh H không đồng ý ly hôn không phải là căn cứ để tồn tại hạnh phúc gia đình. Tháng 1/2019 anh chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy công nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị, sau đó rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên đến cuối tháng 3/2019 chị T lại nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H. Thực tế mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng, kéo dài, đã được gia đình hòa giải cũng như Tòa án tạo điều kiện về thời gian để anh H đưa ra biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, tuy nhiên cũng không đạt kết quả gì. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị T và anh H xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Công Linh Đ (nữ) sinh ngày 27/12/2010; Nguyễn Công Linh C (nữ) sinh ngày 13/12/2013; Trong trường hợp ly hôn, chị T và anh H thỏa thuận với nhau giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của chị T và anh H về việc giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh thực tế, phù hợp với ý chí nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị.

Chị T, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung* (động sản và bất động sản): Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ*: Chị T và anh H xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo**: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006965 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Chị T, anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Công H. Chị T được ly hôn với anh H.

2. **Về con chung:** Xác nhận chị T và anh Hg có hai con chung là Nguyễn Công Linh Đ (nữ) sinh ngày 27/12/2010; Nguyễn Công Linh C (nữ) sinh ngày 13/12/2013. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H, ly hôn giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung** (Động sản và bất động sản): Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. **Về nợ:** Chị T và anh H xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét giải quyết.

5. **Về án phí:** Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006965 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Hà